

TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHÁP LÝ CHO SINH VIÊN CỦA GIẢNG VIÊN LUẬT TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ

Ngô Thế Anh¹

Email: ngotheanhnb@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1046

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, giáo dục đại học nói chung và đào tạo luật nói riêng đứng trước những thay đổi sâu sắc về phương thức giảng dạy, nội dung chương trình và cách tiếp cận tri thức. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đang đặt ra những thách thức mới đối với quá trình hình thành và phát triển tư duy pháp lý của sinh viên. Trong môi trường học tập trực tuyến, sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và người học bị thu hẹp, nguy cơ học máy móc, thiếu chiều sâu tư duy ngày càng rõ nét. Trước thực trạng đó, giảng viên ngoài nhiệm vụ truyền đạt kiến thức, còn phải đóng vai trò định hướng, dẫn dắt và khơi gợi tư duy pháp lý cho sinh viên. Việc nhận thức rõ trách nhiệm và đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên là yếu tố then chốt đảm bảo chất lượng đào tạo luật trong thời đại số hóa.

Từ khóa: trách nhiệm, giảng viên, tư duy pháp lý, đào tạo luật, thời đại số

I. Đặt vấn đề

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. Nội dung Nghị quyết nhấn mạnh vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Để thực hiện chủ trương trên, cũng như mọi lĩnh vực khác, giáo dục pháp luật tại Việt Nam

đứng trước yêu cầu cấp thiết phải đổi mới cả về nội dung lẫn phương pháp giảng dạy. Sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ số không chỉ làm biến đổi cách thức truyền đạt tri thức mà còn đặt ra thách thức trong việc hình thành và phát triển tư duy pháp lý cho người học. Tuy nhiên, để phù hợp với bối cảnh số hóa, việc phát triển tư duy này cần được giảng viên luật định hướng lại theo cách tiếp cận hiện đại, linh hoạt và ứng dụng công nghệ hiệu quả. Trước thực tiễn đó, nghiên cứu sẽ làm rõ vai trò

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

và trách nhiệm của giảng viên luật trong việc phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên trong thời đại công nghệ số. Đồng thời, nghiên cứu cũng hướng đến việc đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo luật nói chung. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các cơ sở giáo dục đại học đào tạo ngành luật tại Việt Nam, trọng tâm là khai thác các yếu tố công nghệ số ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển tư duy pháp lý của người học. Việc nhận diện đúng vai trò của giảng viên trong bối cảnh mới là tiền đề quan trọng để xây dựng chiến lược đào tạo phù hợp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của nền giáo dục pháp luật hiện đại.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tư duy pháp lý

Tư duy pháp lý là một dạng tư duy chuyên biệt, phản ánh khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá và vận dụng các quy phạm pháp luật vào thực tiễn một cách logic, chính xác và có hệ thống. Đây là năng lực cốt lõi mà người học luật cần hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo. Tư duy pháp lý không đơn thuần là ghi nhớ kiến thức pháp luật mà đòi hỏi người học phải hiểu bản chất của quy phạm, biết đặt câu hỏi, phản biện, so sánh và đưa ra lập luận chặt chẽ dựa trên cơ sở pháp lý. Tư duy pháp lý bao gồm khả năng nhận diện vấn đề pháp lý trong tình huống thực tế, xác định quy phạm điều chỉnh, phân tích mối quan hệ giữa các quy phạm và đưa ra kết luận phù hợp với tinh thần của pháp luật. Bên cạnh đó, tư duy

pháp lý còn gắn liền với đạo đức nghề nghiệp, tư duy công bằng và ý thức trách nhiệm xã hội². Trong bối cảnh công nghệ số, tư duy pháp lý cần được phát triển theo hướng linh hoạt, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường pháp lý và công nghệ, đồng thời khai thác hiệu quả các công cụ số nhằm nâng cao năng lực phân tích và xử lý thông tin pháp luật. Young và Rogers (2019) cho rằng, chuyển đổi số là một quá trình thay đổi bắt nguồn từ dữ liệu, kết nối và ra quyết định hiện diện khắp nơi, giúp chuyển đổi sản phẩm, quy trình và cấu trúc tổ chức. Trong giáo dục đại học, Mohamed Hashim và cộng sự (2022) cho rằng, chuyển đổi số được coi là một cách để thu hút sinh viên, cải thiện trải nghiệm của sinh viên, cung cấp tài liệu giảng dạy chất lượng và cung cấp hình thức học tập kết hợp. Việc hình thành tư duy pháp lý trong thời đại công nghệ số không chỉ là nhiệm vụ của người học mà còn là trách nhiệm của giảng viên luật trong việc thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập phù hợp. Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm về tư duy pháp lý như sau:

Tư duy pháp lý là quá trình nhận thức, phân tích và xử lý các vấn đề pháp luật một cách logic, hệ thống và dựa trên cơ sở quy phạm pháp luật. Đây là năng lực cốt lõi giúp người học hiểu và vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống thực tiễn.

Ví dụ tình huống giả định: Anh A ký hợp đồng mua bán xe máy với anh B, trong đó ghi rõ: “Anh B bán cho anh A chiếc xe máy hiệu X, biển số 29X1-123.45 với giá 40 triệu đồng. Anh A đã đặt cọc 5 triệu đồng, số tiền còn lại sẽ thanh

² Nguyễn Ngọc Bích (2019), sách tham khảo “Tư duy pháp lý của Luật sư”, Nhà xuất bản trẻ

toán khi nhận xe.” Tuy nhiên, sau khi nhận cọc, anh B lại bán chiếc xe đó cho người khác với giá cao hơn. Anh A yêu cầu anh B hoàn trả tiền đặt cọc và bồi thường thiệt hại, nhưng anh B từ chối. Với tình huống trên, giảng viên sẽ yêu cầu sinh viên giải quyết những nội dung sau: (1) Xác định vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống; (2) Áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên; (3) Đưa ra lập luận pháp lý để bảo vệ quyền lợi của anh A; 4) Nếu bạn là luật sư của anh B, bạn sẽ lập luận như thế nào để bảo vệ thân chủ?

Tư duy pháp lý là một dạng tư duy chuyên biệt, mang tính hệ thống, logic và phản biện cao. Các đặc điểm chính của tư duy pháp lý bao gồm: Thứ nhất, tính logic và hệ thống: Tư duy pháp lý đòi hỏi khả năng suy luận chặt chẽ, phân tích mối quan hệ giữa các quy phạm pháp luật, xác định nguyên tắc điều chỉnh và áp dụng đúng quy định. Thứ hai, tư duy pháp lý phải dựa trên quy phạm pháp luật: Mọi lập luận pháp lý đều phải có căn cứ pháp lý rõ ràng, không dựa vào cảm tính hay suy đoán cá nhân. Thứ ba, khả năng nhận diện vấn đề pháp lý: Người có tư duy pháp lý tốt sẽ nhanh chóng xác định được bản chất pháp lý của một tình huống, từ đó đưa ra hướng xử lý phù hợp. Thứ tư, tư duy pháp lý đòi hỏi năng lực phân tích và phản biện: Tư duy pháp lý bao gồm việc đánh giá nhiều góc độ của một vấn đề, phản biện các quan điểm khác nhau và bảo vệ lập luận của mình bằng lý lẽ pháp lý vững chắc. Thứ năm, tư duy pháp lý gắn ứng dụng vào thực tiễn: Không chỉ dừng lại ở lý thuyết, tư duy pháp lý còn thể hiện qua khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp, bảo vệ quyền lợi và phục vụ công lý.

Về vai trò, tư duy pháp lý là mục tiêu trọng tâm trong giáo dục pháp luật. Việc phát triển tư duy này giúp sinh viên luật trở thành những người hành nghề có năng lực, hiểu sâu sắc bản chất pháp luật và có khả năng xử lý các vấn đề pháp lý phức tạp trong thực tiễn. Trước hết, tư duy pháp lý giúp người hành nghề luật nhận diện và phân tích vấn đề pháp lý một cách chính xác, từ đó xác định quy phạm điều chỉnh phù hợp. Đây là bước đầu tiên và quan trọng nhất trong quá trình giải quyết vụ việc pháp lý. Thứ hai, tư duy pháp lý rèn luyện khả năng lập luận chặt chẽ, phản biện có cơ sở và đưa ra các quan điểm pháp lý có tính thuyết phục, phục vụ cho hoạt động tranh tụng, tư vấn hoặc ra quyết định pháp lý. Thứ ba, tư duy pháp lý giúp người hành nghề luật xử lý tình huống phức tạp, mâu thuẫn pháp luật và áp dụng pháp luật một cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính hợp pháp và công bằng. Ngoài ra, tư duy pháp lý còn gắn liền với đạo đức nghề nghiệp, giúp người hành nghề luật nhận thức rõ trách nhiệm xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức và lợi ích công cộng. Trong môi trường pháp lý hiện đại, đặc biệt là thời đại công nghệ số, tư duy pháp lý còn giúp người hành nghề khai thác hiệu quả các công cụ số, dữ liệu pháp lý và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả công việc.

2.2. Sự tác động của công nghệ số và vai trò của giảng viên trong giáo dục pháp luật

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong lĩnh vực giáo dục pháp luật, đặc biệt tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam. Một trong những tác động rõ nét nhất là sự thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống sang các hình thức hiện đại, linh

hoạt và mang tính tương tác cao. Việc học trực tuyến đã trở thành xu hướng phổ biến, giúp người học tiếp cận bài giảng mọi lúc, mọi nơi, đồng thời mở rộng không gian học tập vượt ra ngoài lớp học vật lý. Các nền tảng học tập số không chỉ cung cấp tài liệu pháp luật mà còn tích hợp các công cụ kiểm tra, thảo luận và phản hồi nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành tư duy pháp lý. Bên cạnh đó, công nghệ mô phỏng phiên tòa được ứng dụng ngày càng rộng rãi, giúp sinh viên luật trải nghiệm thực tiễn xét xử trong môi trường giả định. Thông qua các phiên tòa mô phỏng, người học được rèn luyện kỹ năng tranh tụng, lập luận pháp lý và xử lý tình huống pháp luật một cách sống động, từ đó phát triển tư duy phản biện và khả năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn. Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra một hướng đi mới trong việc hỗ trợ giảng dạy pháp luật. Các công cụ AI có khả năng phân tích án lệ, tổng hợp dữ liệu pháp lý, phát hiện điểm tương đồng giữa các vụ việc, từ đó giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận tri thức pháp luật một cách nhanh chóng, chính xác và có chiều sâu.³ Không chỉ dừng lại ở việc đổi mới phương pháp giảng dạy, công nghệ số còn góp phần tăng cường khả năng tiếp cận tri thức pháp luật toàn cầu. Nhờ vào internet và các nền tảng học thuật mở, sinh viên luật có thể tiếp cận kho dữ liệu pháp lý khổng lồ từ các quốc gia khác, nghiên cứu hệ thống pháp luật so sánh, học hỏi kinh nghiệm quốc tế và cập nhật các xu hướng pháp lý mới. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập pháp lý, khi người hành nghề luật cần có cái nhìn rộng mở và khả năng thích ứng với nhiều

hệ thống pháp luật khác nhau. Công nghệ số cũng giúp kết nối giảng viên, chuyên gia và sinh viên từ nhiều quốc gia, tạo ra môi trường học tập đa chiều, thúc đẩy trao đổi học thuật và hợp tác nghiên cứu.

Trước thực tiễn trên, vai trò của giảng viên luật càng trở nên quan trọng khi họ phải thích ứng với phương pháp giảng dạy mới, tích hợp công nghệ vào quá trình đào tạo, đồng thời giữ vững giá trị cốt lõi của tư duy pháp lý. Trước tiên, giảng viên luật là người định hướng, truyền đạt phương pháp tư duy pháp lý. Giảng viên luật đóng vai trò trung tâm trong quá trình hình thành và phát triển tư duy pháp lý cho người học, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục pháp luật đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ số. Bằng cách nào đó, giảng viên phải giúp sinh viên nhận thức đúng về bản chất của pháp luật, cách tiếp cận vấn đề pháp lý và phương pháp tư duy đặc thù của ngành luật. Thông qua việc thiết kế chương trình học, lựa chọn nội dung giảng dạy và phương pháp truyền đạt, giảng viên giúp người học hình thành khả năng phân tích, lập luận, phản biện và vận dụng quy phạm pháp luật vào thực tiễn. Không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức, giảng viên còn có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên cách tư duy pháp lý một cách logic, hệ thống và có chiều sâu. Ngoài ra, giảng viên là cầu nối giữa lý thuyết pháp luật và thực tiễn pháp lý. Họ không chỉ giảng dạy các quy phạm pháp luật một cách khô khan, mà còn giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa, mục tiêu và cách áp dụng các quy phạm đó trong đời sống xã hội. Thông qua các hoạt động như phân tích án lệ, mô

³ Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan (2023), sách tham khảo “Chuyển đổi số trong giáo dục”, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông

phòng phiên tòa, giải quyết tình huống pháp lý thực tế, giảng viên giúp người học tiếp cận pháp luật một cách sống động và thực tiễn hơn. Vai trò này đặc biệt quan trọng trong việc hình thành tư duy pháp lý mang tính ứng dụng, giúp sinh viên không chỉ hiểu luật mà còn biết cách sử dụng luật để bảo vệ quyền lợi, giải quyết tranh chấp phát sinh trong thực tiễn.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng các phương pháp điển hình của một hội thảo khoa học, trong đó chủ yếu là nghiên cứu lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp dựa trên kinh nghiệm chuyên môn và các tài liệu chính sách, sách, bài báo liên quan, không sử dụng phương pháp định lượng (khảo sát, thống kê). Cụ thể các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: Phương pháp phân tích - tổng hợp lý luận; Phương pháp lịch sử - logic; Phương pháp quy nạp và diễn dịch; Phương pháp so sánh (ngầm); Phương pháp tình huống giả định

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng giảng dạy và thách thức đối với giảng viên luật trong phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên

Thực trạng giảng dạy pháp luật hiện nay tại nhiều cơ sở đào tạo ở Việt Nam đang bộc lộ những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và khả năng phát triển tư duy pháp lý của sinh viên. Có thể kể đến một số tồn tại sau:

Thứ nhất, phương pháp giảng dạy nặng về lý thuyết và thiếu tính ứng dụng thực tiễn. Trong nhiều chương trình đào

tạo, nội dung giảng dạy chủ yếu tập trung vào việc truyền đạt các quy phạm pháp luật, khái niệm, nguyên tắc và hệ thống văn bản pháp luật mà chưa chú trọng đúng mức đến việc hình thành năng lực tư duy pháp lý cho người học. Sinh viên thường tiếp cận pháp luật qua các bài giảng mang tính liệt kê, ghi nhớ thay vì được rèn luyện kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng pháp luật vào các tình huống cụ thể. Điều này dẫn đến tình trạng người học có kiến thức pháp luật nhưng thiếu khả năng tư duy pháp lý độc lập, chưa đủ năng lực xử lý các vấn đề pháp lý trong thực tiễn hành nghề⁴. Chẳng hạn, trong bài giảng về hợp đồng dân sự, giảng viên chỉ trình bày khái niệm, điều kiện có hiệu lực, các loại hợp đồng theo quy định pháp luật, rồi yêu cầu sinh viên ghi nhớ nội dung các điều luật liên quan. Tuy nhiên, sinh viên không được tiếp cận các tình huống giả định như tranh chấp hợp đồng mua bán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán hay điều khoản phạt vi phạm để vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích và giải quyết. Điều này khiến người học khó hình thành tư duy pháp lý, không biết cách áp dụng quy phạm vào thực tiễn và thiếu kỹ năng xử lý vấn đề pháp lý vốn là yêu cầu cốt lõi trong hành nghề luật.

Thứ hai, công nghệ số chưa được khai thác hiệu quả trong giảng dạy luật. Hiện nay, mặc dù công nghệ số đã và đang phát triển mạnh mẽ, tạo ra nhiều cơ hội đổi mới phương pháp giảng dạy, nhưng trong lĩnh vực đào tạo luật, đặc biệt là việc phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên, công nghệ số vẫn chưa được khai thác một cách hiệu quả. Tại nhiều cơ sở giáo dục

⁴ TS. Hoàng Ngọc Vinh - BGD&ĐT biên tập (2007), Hướng dẫn dạy và học trong giáo dục đại học từ nguyên bản Tiếng Anh có tiêu đề "Guide to Teaching and learning in Higher Education" tại trang Website://www.beda_guida_tripod.com UNESCO

đại học, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy luật còn mang tính hình thức, chủ yếu dừng lại ở việc sử dụng trình chiếu PowerPoint hoặc đăng tải tài liệu lên hệ thống quản lý học tập. Các công cụ hỗ trợ tương tác như phần mềm mô phỏng phiên tòa, hệ thống học tập qua tình huống, nền tảng phân tích án lệ bằng trí tuệ nhân tạo (AI) vẫn chưa được triển khai rộng rãi hoặc chưa được tích hợp vào chương trình đào tạo một cách bài bản. Ví dụ, trong một học phần về Luật Hình sự, thay vì tổ chức các phiên tòa mô phỏng qua nền tảng số hoặc sử dụng phần mềm phân tích án lệ để giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập luận, giảng viên chỉ yêu cầu sinh viên đọc giáo trình và trả lời câu hỏi lý thuyết. Điều này khiến quá trình học tập trở nên thụ động, thiếu tính trải nghiệm và không phát huy được khả năng tư duy pháp lý của người học. Nguyên nhân của thực trạng này có thể đến từ sự thiếu hụt về hạ tầng công nghệ, năng lực số của giảng viên còn hạn chế và chưa có sự đầu tư đúng mức từ các cơ sở đào tạo luật. Ngoài ra, việc thiếu các chương trình đào tạo sư phạm pháp lý ứng dụng công nghệ cũng khiến giảng viên chưa sẵn sàng chuyển đổi phương pháp giảng dạy⁵. Ngoài ra, sự liên kết giữa nhà trường và thực tiễn pháp lý chưa được quan tâm đúng mức. Sinh viên ít có cơ hội tiếp xúc với tòa án, văn phòng luật sư hay doanh nghiệp để thực hành, trải nghiệm nghề nghiệp. Điều này khiến quá trình đào tạo luật thiếu tính ứng dụng, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

4.2. Thách thức đối với giảng viên luật

Trong bối cảnh giáo dục pháp luật đang từng bước chuyển mình để thích ứng

với thời đại công nghệ số, giảng viên luật với vai trò là người dẫn dắt và định hướng tư duy pháp lý cho sinh viên đang phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp và đa chiều, cụ thể: Thách thức lớn nhất là sự thiếu hụt kỹ năng công nghệ và phương pháp sư phạm số. Nhiều giảng viên vẫn quen với phương pháp giảng dạy truyền thống, chưa được đào tạo bài bản về cách sử dụng các công cụ số như phần mềm mô phỏng phiên tòa, hệ thống học tập trực tuyến, hay trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích pháp lý. Việc thiếu kỹ năng này không chỉ làm giảm hiệu quả giảng dạy mà còn khiến quá trình phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên trở nên hạn chế, thiếu tính tương tác và ứng dụng thực tiễn. Thách thức thứ hai là khó khăn trong việc đánh giá tư duy pháp lý qua môi trường trực tuyến. Tư duy pháp lý là năng lực phức hợp, đòi hỏi sự quan sát quá trình lập luận, phân tích và phản biện của người học. Tuy nhiên, các hình thức kiểm tra trực tuyến hiện nay chủ yếu dựa vào bài viết hoặc trắc nghiệm, chưa đủ khả năng phản ánh đầy đủ chiều sâu tư duy pháp lý. Việc thiếu công cụ đánh giá đa chiều, như phiên tòa giả định trực tuyến, bài tập tình huống có phản hồi tức thời hay hệ thống theo dõi tiến trình học tập, khiến giảng viên gặp khó khăn trong việc nhận diện và phát triển năng lực tư duy pháp lý cho sinh viên một cách chính xác và toàn diện. Thách thức thứ ba đến từ sự thay đổi nhanh chóng của pháp luật và công nghệ, đòi hỏi giảng viên phải liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Hệ thống pháp luật không ngừng được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn xã hội và sự phát triển của công nghệ, trong khi các công cụ giảng

⁵ Hoàng Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Huân, “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam”, Tạp chí kinh tế và dự báo, <https://kinhtevadubao.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-30674.html>

dạy số cũng liên tục được nâng cấp. Điều này đặt ra áp lực lớn cho giảng viên trong việc duy trì tính thời sự của bài giảng, đồng thời làm chủ các nền tảng công nghệ mới để phục vụ giảng dạy hiệu quả. Nếu không có cơ chế hỗ trợ đào tạo, cập nhật và chia sẻ kinh nghiệm, giảng viên dễ rơi vào tình trạng tụt hậu, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục pháp luật nói chung.

Tổng thể, ba thách thức trên không chỉ là rào cản kỹ thuật hay phương pháp mà còn là vấn đề chiến lược trong việc xây dựng đội ngũ giảng viên luật có năng lực thích ứng và đổi mới. Để vượt qua, cần có sự đầu tư đồng bộ từ phía nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục và chính bản thân giảng viên trong việc nâng cao năng lực số, đổi mới tư duy sư phạm và xây dựng môi trường học tập pháp lý hiện đại, linh hoạt và hiệu quả.

4.3. Đề xuất định hướng ứng dụng và giải pháp phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên

Thứ nhất, đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên

Một trong những giải pháp quan trọng là tích hợp công nghệ số vào quá trình giảng dạy. Việc sử dụng phần mềm mô phỏng phiên tòa giúp sinh viên trải nghiệm thực tiễn xét xử trong môi trường giả định, từ đó rèn luyện kỹ năng tranh tụng, lập luận và xử lý tình huống pháp lý. Bên cạnh đó, học liệu số như video bài giảng, tài liệu tương tác, ngân hàng án lệ điện tử,... tạo điều kiện cho người học tiếp cận tri thức pháp luật một cách linh hoạt, đa chiều và cập nhật. Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong việc phân tích án lệ, phát hiện điểm tương đồng giữa các vụ việc, từ đó nâng cao khả năng tư duy phản biện và lập luận pháp lý. Ngoài việc ứng dụng

công nghệ, cần áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như học tập dựa trên tình huống, tranh luận pháp lý và phiên tòa giả định. Phương pháp học tập dựa trên tình huống giúp sinh viên vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn, phát triển khả năng phân tích và giải quyết vấn đề. Tranh luận pháp lý tạo môi trường học tập sôi nổi, khuyến khích sinh viên đưa ra quan điểm, phản biện và bảo vệ lập luận của mình dựa trên cơ sở pháp lý. Trong khi đó, phiên tòa giả định là hình thức giảng dạy mang tính ứng dụng cao, giúp người học tiếp cận quy trình tố tụng, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và tư duy pháp lý một cách toàn diện. Việc kết hợp giữa công nghệ số và phương pháp giảng dạy tích cực không chỉ nâng cao hiệu quả đào tạo mà còn góp phần hình thành thể hệ luật gia có năng lực tư duy, hành nghề và thích ứng với môi trường pháp lý hiện đại.

Thứ hai, quan tâm phát triển năng lực số cho giảng viên luật

Trước hết, cần tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo chuyên sâu về kỹ năng công nghệ và phương pháp sư phạm số. Các khóa học này nên tập trung vào việc hướng dẫn giảng viên sử dụng thành thạo các nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm mô phỏng phiên tòa, công cụ phân tích án lệ bằng trí tuệ nhân tạo (AI), cũng như cách thiết kế bài giảng tương tác, đánh giá tư duy pháp lý qua môi trường số. Việc đào tạo không chỉ dừng lại ở kỹ thuật sử dụng công nghệ mà còn phải giúp giảng viên hiểu rõ cách tích hợp công nghệ vào quá trình giảng dạy một cách hiệu quả, phù hợp với đặc thù của môn luật. Bên cạnh đó, cần xây dựng cộng đồng học thuật dành riêng cho giảng viên luật, nơi chia sẻ tài nguyên giảng dạy, học liệu số, kinh nghiệm ứng dụng công nghệ và

các phương pháp sư phạm hiện đại. Cộng đồng này có thể hoạt động dưới hình thức diễn đàn trực tuyến, nhóm chuyên môn, hội thảo định kỳ hoặc kho học liệu mở, giúp giảng viên kết nối, học hỏi lẫn nhau và cập nhật xu hướng giáo dục pháp luật mới. Việc hình thành cộng đồng học thuật không chỉ tạo môi trường hỗ trợ chuyên môn mà còn thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới và hợp tác trong giảng dạy. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng đội ngũ giảng viên luật có năng lực số vững vàng, sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Khi giảng viên được trang bị đầy đủ kỹ năng công nghệ và có môi trường học thuật hỗ trợ, quá trình phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên sẽ trở nên hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại⁵.

Thứ ba, xây dựng hệ thống đánh giá tư duy pháp lý

Trước hết, cần thiết kế các công cụ đánh giá đa chiều, thay vì chỉ dựa vào hình thức kiểm tra lý thuyết truyền thống. Các bài tập tình huống pháp lý đóng vai trò trung tâm, giúp sinh viên vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhận diện vấn đề, xác định quy phạm điều chỉnh và đưa ra giải pháp hợp lý. Bên cạnh đó, hoạt động phản biện pháp lý như tranh luận, bảo vệ quan điểm pháp lý trước các tình huống giả định sẽ rèn luyện khả năng lập luận, tư duy phản biện và kỹ năng trình bày. Việc phân tích án lệ cũng là một hình thức đánh giá hiệu quả, giúp sinh viên hiểu sâu sắc cách tư duy của tòa án, từ đó hình thành tư duy pháp lý mang tính hệ thống và thực

tiễn. Song song với việc thiết kế nội dung đánh giá, cần ứng dụng công nghệ để theo dõi quá trình phát triển tư duy của người học. Các nền tảng học tập trực tuyến có thể tích hợp công cụ phân tích tiến trình học tập, ghi nhận mức độ tương tác, phản hồi và cải thiện của sinh viên qua từng hoạt động. “Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ giảng viên trong việc đánh giá chất lượng lập luận, phát hiện điểm mạnh, yếu trong tư duy pháp lý của người học, từ đó đưa ra phản hồi cá nhân hóa. Việc sử dụng công nghệ cũng giúp lưu trữ dữ liệu học tập, tạo hồ sơ phát triển tư duy cho từng sinh viên. Hệ thống đánh giá hiện đại, kết hợp giữa nội dung đa chiều và công nghệ hỗ trợ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên nhận diện chính xác năng lực tư duy pháp lý của người học, đồng thời thúc đẩy quá trình học tập chủ động, sáng tạo và hiệu quả hơn. Đây là bước đi cần thiết để giáo dục pháp luật thích ứng với yêu cầu đổi mới trong thời đại số.

Thứ tư, thực hiện liên kết với thực tiễn pháp lý

Trước hết, các cơ sở đào tạo luật cần tăng cường hợp tác với các cơ quan thực tiễn như tòa án, viện kiểm sát, văn phòng luật sư, công ty tư vấn pháp lý và doanh nghiệp để tổ chức các hoạt động thực hành cho sinh viên. Những hoạt động này có thể bao gồm thực tập nghề nghiệp, tham quan phiên tòa, tham gia phiên tòa giả định hoặc làm việc theo dự án pháp lý thực tế. Thông qua đó, sinh viên không chỉ được tiếp cận môi trường hành nghề thực tế mà còn có cơ hội vận dụng kiến thức pháp luật vào xử lý tình huống cụ thể, từ

⁵ Học viện phụ nữ, (2024), Hội thảo khoa học quốc gia “Đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam”, [https://danchuphapluat.vn/Hội thảo khoa học quốc gia “Đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam”](https://danchuphapluat.vn/Hoi-thảo-khoa-học-quốc-gia-“Đào-tạo-luật-trong-bối-cảnh-chuyển-đổi-số-ở-Việt-Nam”)

đó hình thành và rèn luyện tư duy pháp lý mang tính ứng dụng cao. Bên cạnh việc tổ chức thực hành cần tích hợp dữ liệu pháp lý thực tế vào bài giảng để tăng tính sinh động và thực tiễn cho nội dung học tập. Giảng viên có thể sử dụng các vụ án điển hình, án lệ, hợp đồng thực tế, văn bản pháp lý đang áp dụng tại doanh nghiệp để minh họa cho các nguyên tắc pháp luật, giúp sinh viên hiểu rõ cách pháp luật vận hành trong đời sống. Việc phân tích các tình huống pháp lý thực tế không chỉ giúp người học phát triển kỹ năng tư duy phản biện, phân tích và lập luận mà còn tạo điều kiện để họ nhận diện được những vấn đề pháp lý phức tạp, đa chiều. Đồng thời, việc tích hợp dữ liệu thực tế còn giúp bài giảng trở nên hấp dẫn, gần gũi và phù hợp với yêu cầu hành nghề sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, giải pháp liên kết với thực tiễn pháp lý không chỉ giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành mà còn góp phần xây dựng môi trường học tập pháp luật hiện đại, năng động và hiệu quả. Đây là hướng đi cần thiết để đào tạo ra đội ngũ luật gia có năng lực tư duy pháp lý vững vàng, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của xã hội trong thời đại số.

V. Kết luận

Trong quá trình đổi mới giáo dục pháp luật, giảng viên luật giữ vai trò trung tâm trong việc phát triển tư duy pháp lý cho người học. Họ không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người định hướng phương pháp tư duy, rèn luyện kỹ năng lập luận, phân tích và phản biện pháp lý, những năng lực cốt lõi của người hành nghề luật. Trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển, giảng viên luật cần được trang bị đầy đủ năng lực số để khai thác hiệu quả các công cụ hỗ trợ giảng dạy như phần

mềm mô phỏng, học liệu số, trí tuệ nhân tạo phân tích án lệ... Nếu được sử dụng đúng cách, công nghệ số sẽ trở thành trợ thủ đắc lực giúp nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng tính tương tác và thúc đẩy quá trình hình thành tư duy pháp lý một cách toàn diện. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, cần có những giải pháp cụ thể và thiết thực như đã trình bày ở trên. Hiện nay, việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ, phần mềm hỗ trợ giảng dạy và hệ thống học liệu số được coi là yếu tố then chốt để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên ứng dụng công nghệ vào thực tiễn giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ giáo dục pháp luật một cách đồng bộ, bao gồm tài nguyên số, cơ sở vật chất, ngân sách đầu tư và cơ chế khuyến khích đổi mới. Sự phối hợp giữa nhà trường, giảng viên và cơ quan quản lý sẽ tạo nên nền tảng vững chắc để giáo dục pháp luật phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của xã hội trong thời đại số./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương. (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*;
- [2]. Nguyễn, N. B. (2019). *Tư duy pháp lý của luật sư*, sách tham khảo, Nhà xuất bản trẻ;
- [3]. Hoàng, T. N., & Nguyễn, V. H. (n.d.). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. <https://kinhtevadubao.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-30674.html>;
- [4]. Hashim, M. M., Tlemsani, I., & Matthews, R. (2022). Higher education strategy in digital transformation. *Education and Information Technologies*, 27, 3171-3195.

- [5]. Học viện phụ nữ Việt Nam, (2024), *Hội thảo khoa học quốc gia “Đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam”*, <https://danchuphapluat.vn/Hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-Do-tao-luat-trong-boi-canh-chuyen-doi-so-o-Viet-Nam>”;
- [6]. Hoàng, S. T., Nguyễn, T. M. L., & Nguyễn, T. L. (2023). *Chuyển đổi số trong giáo dục*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.;
- [7]. TS. Hoàng Ngọc Vinh - BGD&ĐT biên tập (2007), *Hướng dẫn dạy và học trong giáo dục đại học từ nguyên bản Tiếng Anh có tiêu đề “Guide to Teaching and learning in Higher Education”* tại trang Website://www.beda_guida_tripod.com UNESCO;
- [8]. Young, A., Rogers, P. (2019), A review of digital transformation in mining, *Mining, Metallurgy & Exploration*, 36, 683-699, <https://doi.org/10.1007/s42461-019-00103-w>.

RESPONSIBILITIES OF LAW LECTURERS IN FOSTERING STUDENTS’ LEGAL THINKING IN THE DIGITAL AGE

Ngo The Anh¹

Abstract: *In the context of the strong ongoing global digital transformation, higher education in general and legal education in particular are facing profound changes in teaching methods, curriculum content, and approaches to knowledge acquisition. The rapid development of digital technology is posing new challenges to the process of forming and developing legal thinking among students. In the online learning environment, direct interaction between lecturers and learners is significantly reduced, leading to an increasingly evident risk of rote learning and a lack of depth in thinking. In light of this reality, besides the task of imparting knowledge, lecturers must also play the role of orienting, guiding, and stimulating legal thinking in students. A clear awareness of responsibility and the innovation of teaching methods by lecturers are the key factors ensuring the quality of legal training in the digital era.*

Keywords: *responsibility, lecturer, legal thinking, legal training, digital era*

¹ Hanoi University of Natural Resources and Environment